

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST  
Ngày 06 - 9 - 2017  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nam.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phạm Công Gia.
2. Ông Đinh Tuấn Đạt.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Thị N – sinh năm: 1989.

HKTT: Số nhà 51/3, Tổ 8, Ấp Phú Hợp B, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Số nhà D11/129, đường S, phường TN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T – sinh năm: 1980.

HKTT: Số nhà 51/3, Tổ 8, Ấp Phú Hợp B, xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương rồi T tới sống chung với nhau năm 2007. Hôn nhân của anh chị được Ủy

ban nhân dân xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do đó, trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ tháng 6 năm 2016 vợ chồng anh chị sống ly thân nhau đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 27/5/2008. Hiện nay, cháu Tr đang sống cùng anh T.

Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương rồi T tới sống chung với nhau năm 2007. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng. Do đó, trong cuộc sống chung thường hay căng thẳng, cãi nhau nhưng không nghiêm trọng. Khoảng giữa năm 2016 chị N bỏ lên Sài Gòn sinh sống và vợ chồng anh chị sống ly thân nhau đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 27/5/2008. Hiện nay, cháu Tr đang sống cùng anh.

Khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 27/5/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N do anh T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nên chưa làm rõ được. Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị N đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị N (bản sao); Chứng minh nhân dân của anh T (photo); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao); Bản sao các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác minh về lời khai của bị đơn; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con của các đương sự. Tòa án đã T hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị N không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Anh T vắng mặt đã được Tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T. Anh T hiện đang cư trú tại huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Chị Huỳnh Thị N là nguyên đơn trong vụ án. Sau khi thụ lý vụ án chị N đã viết bản tự khai, có tham gia phiên họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải, sau đó chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù khi thụ lý và T hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã T hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T chỉ cung cấp lời khai mà không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt chị N và anh T theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2007. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã PB, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/12/2007. Như vậy, hôn

nhân của anh chị là hợp pháp, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cả hai anh chị không cùng nhau quan tâm, chăm lo cho cuộc sống gia đình. Do đó, trong cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, hay cãi nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ năm 2016 đến nay, chị N và anh T sống ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và hòa giải để đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và hiện tại anh chị đã sống ly thân nhau.

Như vậy, có căn cứ xác định anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị N có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 27/5/2008.

Từ khi chị N và anh T sống ly thân đến nay, cháu Tr sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị N và anh T đồng ý giao cháu Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Tr có nguyện vọng sống cùng với anh T.

Xét yêu cầu trên của chị N là phù hợp với nguyện vọng của con chung và ý kiến của anh T, vì vậy được chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N do anh T không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa vắng mặt chị N và anh T nên chưa điều tra làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[5]. Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị N.

Cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Tr – sinh ngày 27/5/2008.

Giao 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Tr cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Chị N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005733 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Chị N và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện TP;
- Chi cục THA huyện TP;
- UBND xã PB: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 138, quyển số 01/2007, cấp ngày 26/12/2007);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**